

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN  
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

**Số 003/2024/VIETTEL- VIENTHONGSO -UQCCDVVT**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự, Luật Viễn thông của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 49/2017/NĐ-CP ngày 24/04/2017, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011, Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Hôm nay, ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại HCM chúng tôi gồm:

**BÊN ỦY QUYỀN (Bên A): VIETTEL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Trụ sở chính: 285 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, Tp Hồ Chí Minh.

Số tài khoản: 12010000137975

Mở tại: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Sở giao dịch I

Mã số thuế: 0100109106-122

Địa chỉ giao dịch: 285 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông NGUYỄN HUY TÂN

Chức vụ: Giám Đốc

(Theo giấy ủy quyền số 470/GUQ-CNVTTQD ngày 27/01/2023 của TGD Tập đoàn ủy quyền cho Giám đốc Viettel Hà Nội/TP.HCM).

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Bên B): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG SỐ VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 4, ngõ 32, phố Đồng Me, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0107587172

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ: Giám đốc

Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).

Hai bên nhất trí ký kết Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (dưới đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) với các điều khoản cụ thể sau đây:

## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

1.1. Bên A đồng ý ủy quyền và Bên B đồng ý nhận ủy quyền triển khai các Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền (*dưới đây gọi tắt là Điểm CCDVVT UQ*).

1.2. Bên B có trách nhiệm: Tiếp nhận yêu cầu trong phạm vi công việc được ủy quyền của bên A bằng Hợp đồng này và/hoặc các Phụ lục đính kèm, thiết lập các Điểm CCDVVT UQ thực hiện việc giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cung cấp dịch vụ viễn thông, lưu trữ hồ sơ, thông tin của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông của Bên A.

## **ĐIỀU 2. THÙ LAO – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1. Thù lao của Bên B được tính theo quy định do Bên A ban hành và thay đổi tùy theo từng thời kỳ dựa trên khối lượng và chất lượng công việc hoàn thành trong tháng của Bên B theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

2.2. Thù lao của Bên B được Bên A thanh toán theo quy định tại từng thời điểm cụ thể.

## **ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **3.1. Quyền của Bên A**

3.1.1. Yêu cầu Bên B tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định của Bên A về giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao và các vấn đề nghiệp vụ khác liên quan đến thực hiện công việc theo Hợp đồng.

3.1.2. Kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Hợp đồng của Bên B.

3.1.3. Yêu cầu Bên B tạm dừng thực hiện công việc theo Hợp đồng; hoãn hoặc không thanh toán thù lao cho Bên B; đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) trong trường hợp Bên B không hoàn thành công việc theo Hợp đồng hoặc vi phạm Hợp đồng, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

3.1.4. Bên A không phải chịu trách nhiệm trước Bên B hay bất kỳ bên thứ ba nào khác đối với các thiệt hại mang tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, gián tiếp, bao gồm nhưng không giới hạn mọi thiệt hại phát sinh từ việc mất dữ liệu, mất lợi nhuận, tổn thất kinh doanh hoặc mất lợi thế thương mại liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này hoặc liên quan đến tính năng của sản phẩm, dịch vụ hợp tác, dù bên đó có được thông báo về khả năng xảy ra những thiệt hại đó hay không.

3.1.5. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

*Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).*

### **3.2. Nghĩa vụ của Bên A**

3.2.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục Giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao.

3.2.2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho Bên B các quy chế, quy trình, quy định của Bên B về giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao, các vấn đề nghiệp vụ khác liên quan đến thực hiện công việc theo Hợp đồng và các văn bản pháp luật có liên quan.

3.2.3. Cung cấp cho Bên B Hợp đồng mẫu, các thông tin, tài liệu, thiết bị, phương tiện mà Bên B cho là cần thiết để thực hiện công việc theo Hợp đồng.

3.2.4. Tổ chức, kiểm tra, giám sát Bên B trong việc thực hiện quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước do Bên A ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.

3.2.5. Thanh toán thù lao cho Bên B theo đúng thỏa thuận.

3.2.6. Bồi thường thiệt hại (nếu có) do vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

3.2.7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

#### **4.1. Quyền của Bên B**

4.1.1. Yêu cầu Bên A hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ Giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao để thực hiện công việc theo Hợp đồng.

4.1.2. Hưởng thù lao khi hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.1.3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

#### **4.2. Nghĩa vụ của Bên B**

4.2.1 Thực hiện công việc theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

4.2.2 Chịu trách nhiệm đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên thực hiện Giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và cập nhật thông tin của khách hàng.

4.2.3 Có đủ trang thiết bị để nhập thông tin trên giấy tờ của các cá nhân, tổ chức; số hóa giấy tờ của cá nhân, tổ chức; chụp ảnh người trực tiếp đến giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (đối với dịch vụ viễn thông di động) và chuyển thông tin, bản số hóa giấy tờ, ảnh chụp về cơ sở dữ liệu tập trung của Bên A. Thiết bị số hóa giấy tờ, chụp ảnh phải bảo đảm bản số hóa giấy tờ, ảnh chụp rõ ràng, sắc nét; bản số hóa giấy tờ phải có đầy đủ các thông tin so với các giấy tờ đã xuất trình của cá nhân, tổ chức  
*Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).*

khi giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; ảnh chụp phải có thông tin về thời gian (ngày, giờ) chụp.

4.2.4 Chịu sự hướng dẫn, quản lý về mặt nghiệp vụ của Bên A; tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định của Bên A về Giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao và các vấn đề nghiệp vụ khác liên quan đến thực hiện công việc theo Hợp đồng.

4.2.5 Nhân viên thực hiện giao kết theo mẫu, điều kiện giao dịch chung phải được tập huấn, đào tạo về quy trình, thủ tục giao kết Hợp đồng theo mẫu điều kiện giao dịch.

4.2.6 Thực hiện đầy đủ các quy định khi cá nhân, tổ chức đến thực hiện giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, như sau:

- a) Đối chiếu, kiểm tra giấy tờ là đúng của cá nhân, tổ chức đến thực hiện giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 của Nghị định 49/2017/NĐ-CP (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có).
- b) Từ chối giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cá nhân, tổ chức xuất trình giấy tờ không đúng quy định tại Khoản 3, Điều 1 của nghị định 49/2017/NĐ-CP (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có) hoặc giấy tờ được xuất trình không rõ, không đảm bảo việc số hóa giấy tờ được rõ ràng, sắc nét, đủ thông tin.
- c) Nhập đầy đủ, chính xác thông tin thuê bao theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định 49/2017/NĐ-CP (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có).
- d) Thực hiện việc giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các cá nhân, tổ chức có giấy tờ đáp ứng đầy đủ các quy định.
- e) Lưu giữ thông tin thuê bao trên cơ sở dữ liệu về thông tin thuê bao của điểm CCDVVT và truyền đầy đủ các thông tin thuê bao về hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung của Bên A.
- f) Bảo đảm khả năng truy nhập vào cơ sở dữ liệu về thông tin thuê bao của điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để phục vụ việc kiểm tra, thanh tra thông tin thuê bao của các thuê bao đã giao kết hợp động theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật.

4.2.7 Giải quyết và phối hợp với Bên A giải quyết các khiếu nại của khách hàng về việc thực hiện giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao đã đăng ký với Bên B.

4.2.8 Chịu sự kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của Bên A ban hành *Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP)*.

và các quy định pháp luật có liên quan; Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4.2.9 Thông báo với bên A, Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao.

4.2.10 Tuân thủ các quy định pháp luật về giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao và tuyệt đối không thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Nghị định 49/2017/NĐ-CP (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có), như sau:

- a) Giả mạo; sử dụng giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận pháp nhân, tổ chức khác để giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;
- b) Nhập sẵn thông tin thuê bao; kích hoạt dịch vụ di động trả trước cho SIM thuê bao khi chưa thực hiện, hoàn thành việc giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định.
- c) Mua bán, lưu thông tin trên thị trường SIM thuê bao đã được nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước.
- d) Tiết lộ, sử dụng thông tin thuê bao di động trái pháp luật.
- e) Sử dụng SIM đa năng, thiết bị có chức năng kích hoạt SIM thuê bao không cần phải bẻ SIM để nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước cho SIM thuê bao.

4.2.11 Bảo quản, giữ gìn tài liệu, thiết bị, phương tiện được Bên A giao (nếu có) để thực hiện công việc theo Hợp đồng và bàn giao lại cho Bên A khi chấm dứt Hợp đồng. Bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu làm mất mát, hư hỏng các phương tiện, tài liệu, thiết bị đó.

4.2.12 Trong quá trình thực hiện công việc, luôn giữ thái độ niềm nở, thân thiện và phục vụ chu đáo đối với khách hàng của Bên A. Không có bất kỳ hành vi nào làm tổn hại đến uy tín của Bên A.

4.2.13 Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng cũng như sau khi đã chấm dứt Hợp đồng.

4.2.14 Niêm yết công khai Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cung cấp dịch vụ viễn thông; quy trình giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng ủy quyền được Bên A cung cấp.

4.2.15 Treo biển Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông do bên A cung cấp.

4.2.16 Đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp mặt bằng địa điểm (đăng ký) dành riêng làm Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông.

*Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).*

4.2.17 Chịu trách nhiệm trước Bên A hay bất kỳ bên thứ ba nào khác đối với các thiệt hại do mình gây ra do không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên B có các hành vi bán hàng sai đối tượng, cung cấp dịch vụ sai quy định, cố ý trục lợi chính sách, khai thác lỗ hổng dịch vụ, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật tấn công hệ thống của Bên A, Bên A được phép dừng cung cấp dịch vụ, sử dụng mọi hình thức, biện pháp cần thiết để ngăn chặn các hành vi nêu trên và giảm thiểu các thiệt hại do Bên B gây ra, đồng thời Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp được gây ra do các hành vi trên của Bên B.

4.2.18 Chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình gây ra cho Bên A. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu do Bên B gây ra và khoản lợi trực tiếp mà Bên A đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

4.2.19 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 5. GIẢM TRỪ THANH TOÁN, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

5.1. Giảm trừ thanh toán từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi trường hợp Bên A phát hiện Bên B có các hành vi vi phạm về giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao: Giả mạo; sử dụng giấy tờ của các cá nhân, tổ chức khác để thực hiện giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Số tiền giảm trừ thanh toán do Bên A quy định thống nhất theo từng thời điểm cụ thể và có thông báo cụ thể bằng văn bản cho Bên B.

5.2. Trong trường hợp Bên B vi phạm các quy định tại Nghị định 49/2017/NĐ-CP (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có) hoặc các quy định khác của pháp luật trong quá trình triển khai vận hành Điểm CCDVVT, dẫn đến việc Bên A bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật, thì Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ số tiền phạt vi phạm mà Bên A đã phải nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.3. Trường hợp Bên B vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng này ngoài khoản 5.1 sẽ phải trả tiền phạt vi phạm tương đương 8% giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

5.4. Nếu Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Bên A thì phải trả lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả với lãi suất bằng 20%/năm (hai mươi phần trăm một năm) cho số ngày thực tế chậm trả (từ ngày đến hạn thanh toán ban đầu đến ngày thanh toán thực tế).

## **ĐIỀU 6. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

*Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).*

- 6.1. Hai bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng.
- 6.2. Hợp đồng đã hết thời hạn hiệu lực, đồng thời các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình và Hợp đồng không được gia hạn;
- 6.3. Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo thỏa thuận tại **Điểm 3.1.3 Khoản 3.1 Điều 3** Hợp đồng này.
- 6.4. Trường hợp bên B vi phạm các quy định của Pháp luật, Hợp đồng và bị chấm dứt Hợp đồng, Bên A sẽ thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông để Sở có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động khác phối hợp chấm dứt Hợp đồng với bên B
- 6.5. Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng nếu Sở Thông tin và truyền thông trên địa bàn có văn bản yêu cầu do bên B vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 1 của Nghị định 49/2017/NĐ-CP ký ngày 24/04/2017 (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế - nếu có) và chỉ được ký lại Hợp đồng với Bên A sau 2 (hai) năm kể từ ngày chấm dứt.
- 6.6. Bên B có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp có lý do chính đáng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc và được Bên A chấp thuận. Bên A có quyền yêu cầu Bên B bàn giao lại các tài sản, phương tiện đã trang bị cho Bên B để thực hiện công việc theo Hợp đồng.
- 6.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 7. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC**

Trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra và phát hiện các hành vi vi phạm các quy định về giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của Bên B thì tùy theo mức độ vi phạm, Bên B sẽ bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định pháp luật theo các mức phạt được quy định rõ trong quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện hiện hành.

## **ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ tiến hành thương lượng, hòa giải. Nếu hai bên không thương lượng, hòa giải được, các bên đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên. Án phí và chi phí liên quan do bên thua kiện chịu.

## **ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN**

9.1. Bên B có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin liên quan đến Hợp đồng và/hoặc các thông tin Bên B có được từ việc thực hiện Hợp đồng liên quan đến hoạt động sản

*Hợp đồng ủy quyền cung cấp dịch vụ viễn thông (Nghị định 49/2017/NĐ-CP).*

xuất, kinh doanh của Bên A. Bên B chỉ được tiết lộ thông tin cho bên thứ ba khi được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

9.2. Bên B nhận thông tin không phải thực hiện nghĩa vụ bảo mật quy định tại khoản 9.1 Điều này và không phải chịu trách nhiệm pháp lý với Bên A đối với các thông tin sau:

- a) Thông tin được công khai trên các phương tiện công cộng mà không phải do lỗi của Bên B.
- b) Thông tin được Bên B phát triển độc lập mà không sử dụng thông tin của Bên A.
- c) Thông tin bị tiết lộ theo quy định của pháp luật; yêu cầu của toà án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG**

10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra sau khi ký kết Hợp Đồng, do những sự kiện có tính chất bất thường xảy ra mà Các Bên không thể lường trước được, kiểm soát được và không thể khắc phục được đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của Các Bên trong Hợp Đồng bao gồm nhưng không hạn chế động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, bão tố, lốc xoáy, đình công, bạo động, khủng bố, chiến tranh.

10.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản về các tình huống bất khả kháng và những hậu quả có thể xảy ra đối với việc thực hiện Hợp Đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng trong những trường hợp này sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tồn tại sự kiện Bất khả kháng.

10.3 Trường hợp Sự kiện Bất khả kháng kéo dài hơn 30 ngày thì Bên không bị ảnh hưởng có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Bên không bị ảnh hưởng gửi thông báo. Nếu Bên B là Bên bị ảnh hưởng, khi Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều này, Bên B có nghĩa vụ hợp tác với Bên A để chuyển giao các nghĩa vụ còn tồn đọng.

## **ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

11.1. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký. Sau khi hết hạn hợp đồng, Bên B không nhận được bất cứ thông báo tạm dừng hợp đồng nào từ Bên A thì hợp đồng này được gia hạn từng năm và tiếp tục hoạt động.

11.2. Hợp đồng có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận giữa hai bên. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được ghi nhận bằng văn bản và có chữ ký của đại diện hợp pháp các bên. Phụ lục Hợp đồng, các quy chế, quy trình, quy định của Bên A ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

11.3. Các nội dung khác không được quy định chi tiết trong Hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định pháp luật có liên quan.

11.4. -Mỗi Bên cam kết và bảo đảm: có đủ năng lực, tư cách pháp lý, các giấy phép, chấp thuận cần thiết từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng; người ký kết Hợp đồng của mình có đủ thẩm quyền ký kết Hợp đồng

11.5. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Hiền*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**NGUYỄN HUY TÂN**

